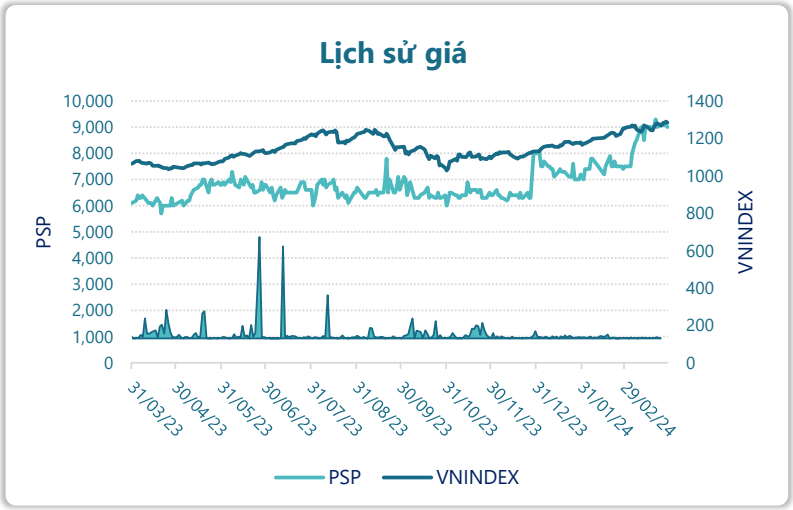
FireAnt

CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,145
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
P/E	31.1
EPS	289

DT thuần

Q1/24

57.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.60| -14.2%

YoY: ▲ 6.30| 12.4%

LN sau thuế

Q1/24

3.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.13| -25.0%

YoY: ▲ 2.87| 575%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.9%

+/- YoY: ▲ 5.7%

DT thuần

2023

238

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 25.8%

LN sau thuế

2023

8.66

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.56| 8972%

ROE

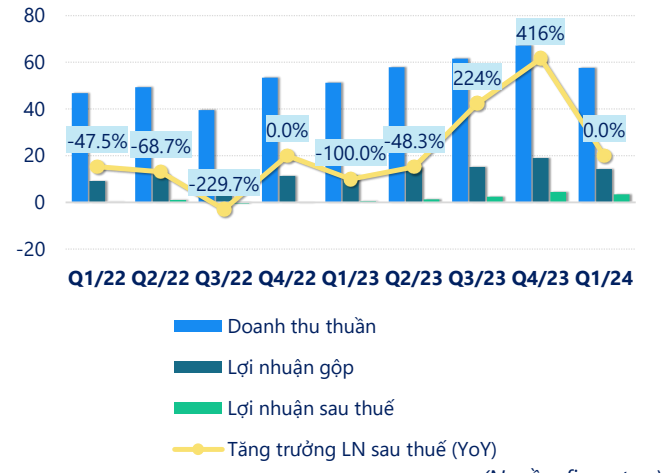
2023

1.9%

+/- YoY: ▲ 1.9%

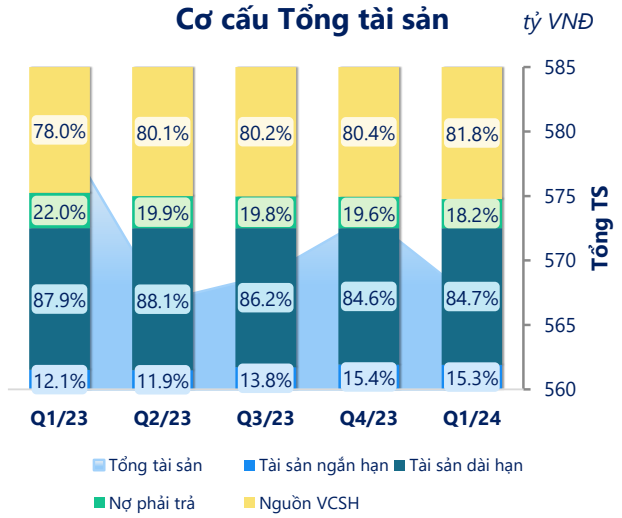
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



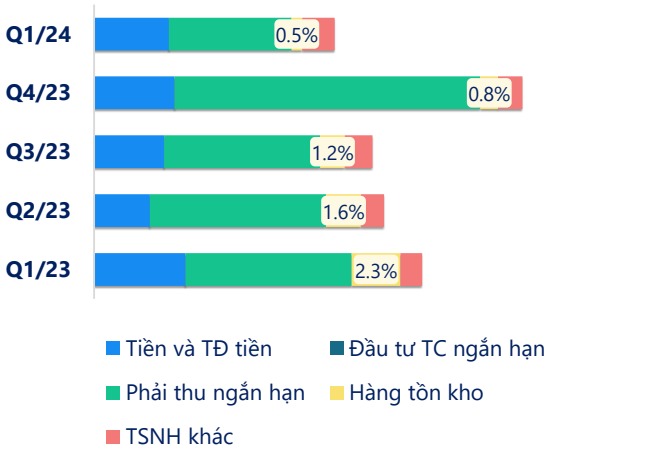
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



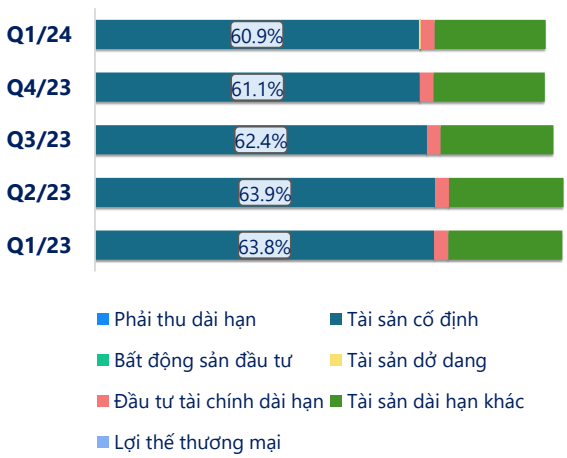
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



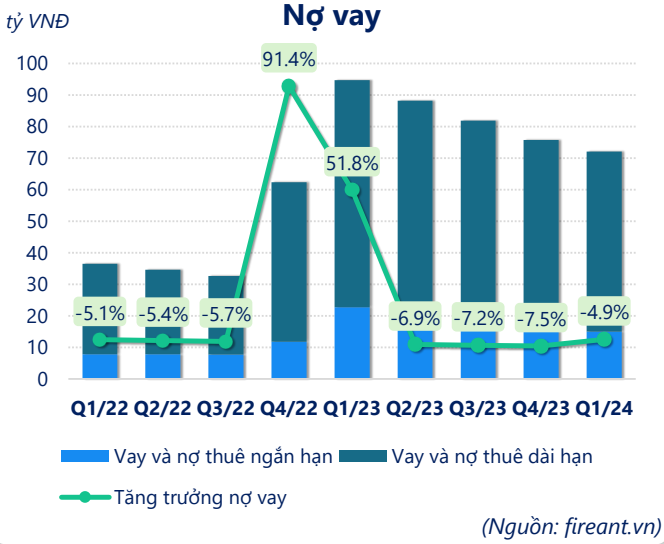
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



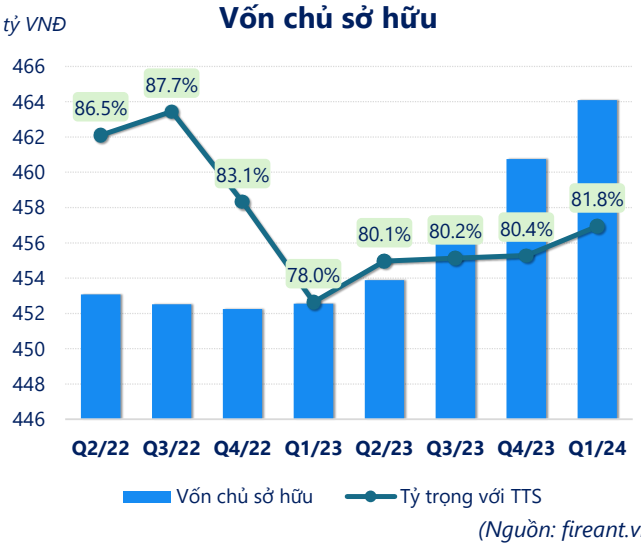
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



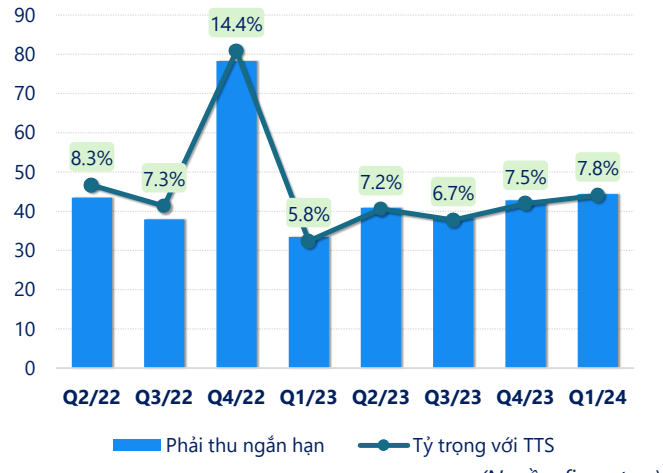
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



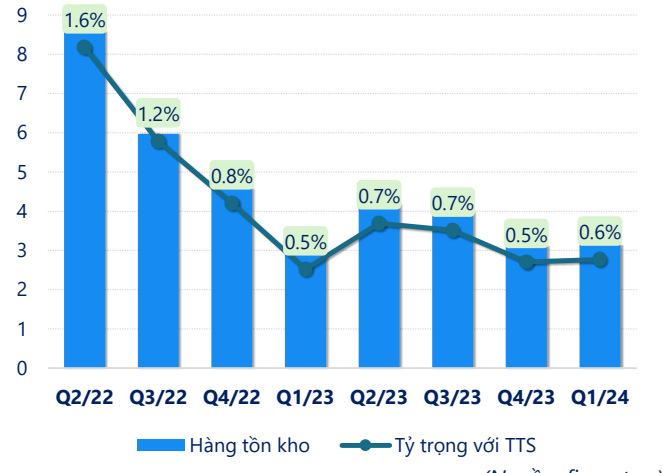
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



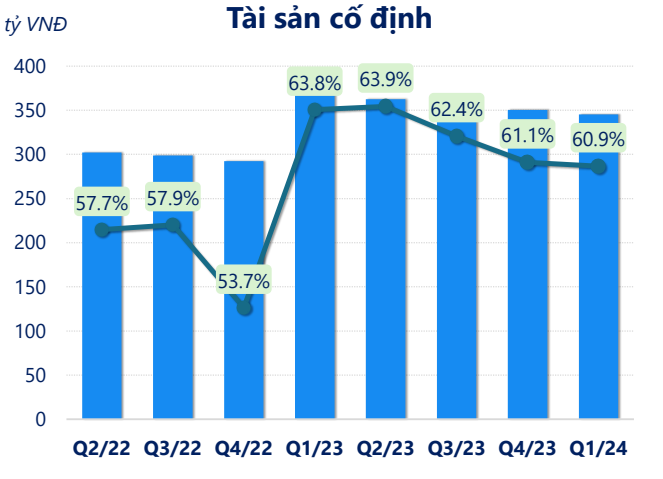
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



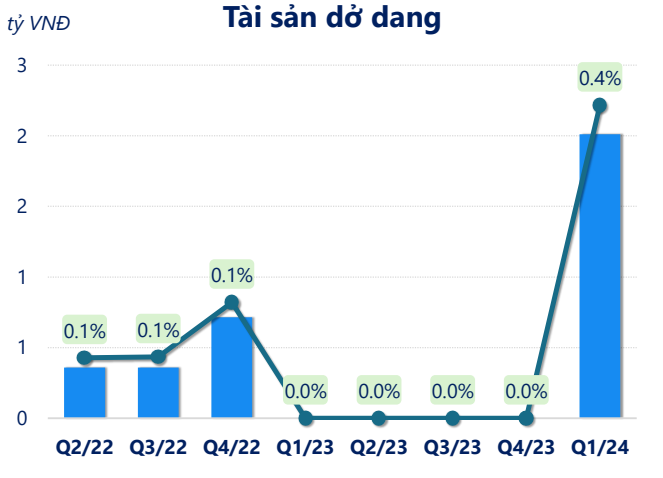
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



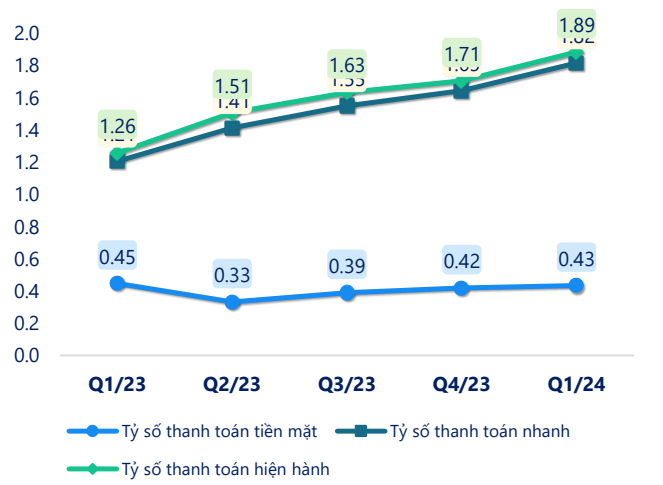
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**580**	**567**	**569**	**573**	**567**
Tài sản ngắn hạn	**70.2**	**67.4**	**78.4**	**88.4**	**86.5**
Tiền và tương đương tiền	25.0	14.9	18.7	21.7	20.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	11.0	14.0	14.0
Phải thu ngắn hạn	33.4	40.9	38.2	42.7	44.4
Hàng tồn kho	2.93	4.19	3.99	3.11	3.14
Tài sản ngắn hạn khác	8.89	7.50	6.54	6.80	5.03
Tài sản dài hạn	**510**	**499**	**490**	**485**	**481**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	370	362	355	350	345
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	2.01
Đầu tư tài chính dài hạn	15.4	14.9	14.6	14.8	15.0
Tài sản dài hạn khác	125	122	121	120	118
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**128**	**113**	**113**	**113**	**103**
Nợ ngắn hạn	**55.8**	**44.7**	**48.0**	**51.8**	**45.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	19.9	17.3	15.0	15.0
Phải trả người bán ngắn hạn	24.3	14.5	16.7	23.0	16.2
Nợ dài hạn	72.0	68.3	64.6	60.8	57.1
Vay và nợ thuê dài hạn	72.0	68.3	64.6	60.8	57.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**453**	**454**	**456**	**461**	**464**
Vốn chủ sở hữu	**453**	**454**	**456**	**461**	**464**
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)